

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: **Bà Thị Xà Ly.**

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B.**

Trụ sở: Số 210 Trần Quang Khải, phường Tr, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh H.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lê Hoàng Tr – sinh năm 1993. Chức vụ: Chuyên viên Tổ khách hàng - Ngân hàng TMCP B chi nhánh H – Phòng giao dịch L, có mặt.

Địa chỉ: Số 16-18 đường 30/4, khu vực 2, phường Th, thị xã L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn U – sinh năm 1984, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt** trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- **Ngân hàng thương mại cổ phần B** – Chi nhánh H - Phòng giao dịch L có cho ông Phạm Văn U vay số tiền **250.000.000** đồng, cụ thể các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số **HDTD 803201910845**, ký ngày **08/11/2019**, giải ngân theo khế ước nhận nợ ngày **08/11/2019**, với số tiền **200.000.000** đồng, mục đích vay

trồng mía, nuôi heo. Thời hạn vay là 12 tháng, hình thức trả nợ là trả lãi 03 tháng 01 lần và vốn gốc trả cuối kỳ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông Phạm Văn U đã nhận đủ số tiền vay 200.000.000 đồng, theo khế ước nhận nợ số 803201910845/01, ngày 08/11/2019.

Khi vay tiền ông Phạm Văn U có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0209/2017/HĐTC/PGDLongMy, ngày 12/10/2017 đối với tài sản: Quyền sử dụng đất có diện tích 13.200m², thuộc thửa số 272 và 137, tờ bản đồ số IV, đất tọa lạc tại ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh K, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 937107 cho ông Phạm Văn Khương đứng tên vào ngày 28/4/1994, diện tích trên được điều chỉnh biên động tặng cho ông Phạm Văn U vào ngày 22/9/2017.

Hợp đồng tín dụng số HDTD 803201910846, ký ngày 08/11/2019, giải ngân theo khế ước nhận nợ ngày 08/11/2019, với số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 12 tháng, hình thức trả nợ là trả lãi 03 tháng 01 lần và vốn gốc trả cuối kỳ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 15,5%/năm, lãi được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông Phạm Văn U đã nhận đủ số tiền vay 50.000.000 đồng, theo khế ước nhận nợ số 803201910846, ngày 08/11/2019, đây là hợp đồng vay tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn U không trả nợ đúng cam kết nên ngày 09/10/2020 Ngân hàng khởi kiện ông Phạm Văn U, tính đến ngày 07/11/2020, số nợ vay của ông Phạm Văn U đã quá hạn, hiện tại dư nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 30/12/2020 là 39.695.070 đồng (trong đó lãi trong hạn là 32.283.015 đồng và lãi quá hạn là 7.412.055 đồng). Nay Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn U phải trả hết số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo hợp đồng đã thỏa thuận là 39.695.070 đồng, tổng cộng bằng 289.695.070 đồng. Đồng thời, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông Phạm Văn U phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp ông Phạm Văn U không trả đủ số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Văn U không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, ông Phạm Văn U thừa nhận có vay nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh H – Phòng giao dịch L vào năm 2019 số tiền tổng cộng bằng 250.000.000 đồng, khi vay ông có thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 13.200m², thuộc thửa số 272 và 137, tờ bản đồ số IV, tọa lạc tại ấp V, xã VV1, huyện G, tỉnh K theo giấy chứng nhận QSD đất số C 937107, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/4/1994 do ông Phạm Văn Khương và được điều chỉnh tặng cho ông Phạm Văn U đứng tên vào ngày 22/9/2017.

Nay Ngân hàng kiện đòi số tiền vay ông đồng ý trả hết số nợ vay và lãi suất cho Ngân hàng nhưng ông xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng ông trả cho Ngân hàng 3.000.000 đồng. Thời gian trả tính từ ngày 10/12/2020 cho đến khi trả hết số nợ vay.

Diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng hiện nay anh ông tên Phạm Văn Đ đang canh tác trồng xoài và khóm, do anh ông ở chung nhà với ông, hiện ông đi làm xa nên giao đất cho anh ông canh tác chứ ông không có cầm cố sang bán diện tích đất trên cho ai hết.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho ông Phạm Văn U trả dần số nợ trên.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bị đơn ông Phạm Văn U phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền hiện còn nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Phạm Văn U không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Phạm Văn U là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Phạm Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Văn U theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại hợp đồng tín dụng số HĐTD 803201910845 và HĐTD 803201910846, được ký kết ngày 08/11/2019 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay,

phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn U không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 07/11/2020 hợp đồng đã quá hạn, cho đến nay bên vay ông Phạm Văn U đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc ông Phạm Văn U phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0209/2017/HĐTC/PGDLongMy, được ký kết ngày 12/10/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Phạm Văn U có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng, chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 937107, được điều chỉnh tặng cho ông Phạm Văn U đứng tên vào ngày 22/9/2017, có diện tích 13.200m², thuộc thửa số 272 và 137, tờ bản đồ số IV, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Hòa 3, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Qua xác minh, hiện nay tài sản này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn U. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Ông Phạm Văn U thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần B để vay số tiền 250.000.000 đồng, đồng thời ông Phạm Văn U có thế chấp tài sản do ông Phạm Văn U đứng tên, hiện nay ông Phạm Văn U không có khả năng trả hết số nợ trên cho Ngân hàng nên xin trả dần mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía Ngân hàng không thống nhất với yêu cầu của ông Phạm Văn U nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phạm Văn U phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[6] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Văn U phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông Phạm Văn U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Phạm Văn U phải nộp 14.485.000 đồng (289.695.070 đồng x 5%).

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại 6.649.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005264 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 323, 325, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Phạm Văn U phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 289.695.070 (hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi) đồng, gồm có số tiền nợ gốc là 25000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 39.695.070 (ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phạm Văn U phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phạm Văn U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 937107, được điều chỉnh tặng cho ông Phạm Văn U đứng tên vào ngày 22/9/2017, có diện tích 13.200m², thuộc thửa số 272 và 137, tờ bản đồ số IV, đất tọa lạc tại ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh K để thu hồi toàn bộ số nợ trên.

Khi ông Phạm Văn U trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số C 937107, được điều chỉnh tặng cho ông Phạm Văn U đứng tên vào ngày 22/9/2017, cho ông Phạm Văn U.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: **Buộc Ông Phạm Văn U** phải nộp 14.485.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại 6.649.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005264 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang